

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 95/QM-DNPBG

1. Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
3. Mã mẫu: Theo phụ lục
4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer: Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
5. Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 04/10/2022
7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: 04/10 - 08/10/2022
9. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCDP 01:2021/BG	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2009	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	Arsenic (As) (*)	SMEWW 3113B	µg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	10	Đạt
4	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.81	0.51	0.38	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
5	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.32	0.21	0.30	0.05	2	Đạt
6	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
7	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
8	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.93	7.92	7.92	7.89	6.0 - 8.5	Đạt
9	Chỉ số Permanganat (*)	TCVN 6186:1996	mg/L	0.70	0.77	0.77	0.83	2	Đạt
10	Độ cứng (*) tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340C	mg/L	128	140	139	140	300	Đạt
11	Clorua, Cl ⁻ (*)	TCVN 6194:1996	mg/L	9.93	8.86	9.22	10.28	250	Đạt
12	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	< 0.03	< 0.03	0.1	Đạt
13	Nhôm (Al)	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.18	0.19	0.18	0.18	0.2	Đạt
14	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.90	0.86	0.91	0.74	2	Đạt
15	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
16	Sắt tổng số (*) (Fe)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	< 0.05	KPH	KPH	0.3	Đạt
17	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	9.22	9.62	9.44	9.22	250	Đạt

Ghi chú:

- (*): Phép thử được công nhận VILAS.
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của As: 1 µg/L; NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 08 tháng 10 năm 2022

XÉT NGHIỆM VIÊN

Đào Thị Ngọc Hà

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TY CPĐT HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG

Nguyễn Mạnh Cường



PHÓ GIÁM ĐỐC

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents: 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 95/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	10221614/3392	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	10221614/3393	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	10221614/3394	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	10221614/3395	Trần Văn Nam, Cầu Gỗ- Tám Sào, Lạng Giang, Bắc Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 97/QM-DNPBG

- | | |
|---|---------------------------------|
| 1. Tên mẫu/Name of sample: | Theo phụ lục |
| 2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: | Theo phụ lục |
| 3. Mã mẫu | Theo phụ lục |
| 4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer | Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang |
| 5. Mô tả mẫu/Description: | 04 Chai nhựa 1000 mL |
| 6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: | 11/10/2022 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: | Diệp Văn Hùng |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: | 11/10 - 18/10/2022 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/Test result: | |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCDP 01:2021/BG	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.80	0.68	0.49	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
4	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.09	0.04	0.12	0.24	2	Đạt
5	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
6	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
7	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	8.03	8.05	8.06	8.06	6.0 - 8.5	Đạt
8	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.70	0.64	0.70	0.70	2	Đạt
9	Độ cứng (*) tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340C	mg/L	128	128	124	128	300	Đạt
10	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
11	Nhôm (Al)	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.18	0.19	0.19	0.19	0.2	Đạt
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180:1996	mg/L	1.09	1.17	1.15	1.06	2	Đạt
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	SMEWW4500 NO ₂ B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
14	Sắt tổng số (*) (Fe)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	10.11	9.80	9.31	9.66	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCDP 01:2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 18 tháng 10 năm 2022

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG



Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng. The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, lên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHÒNG GIÁM ĐỐC

Vũ Hùng

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 97/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	10221639/3480	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	10221639/3481	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	10221639/3482	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	10221639/3483	Hộ dân Nguyễn Văn Thuận, Vĩnh Thịnh, Tân Hưng, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/*Test results are valid for the submitted sample(s) only.*
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/*The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.*
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/*The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department*

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

VILAS 1219

Số/No: 99/QM-DNPBG

1. Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
2. Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
3. Mã mẫu Theo phụ lục
4. Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
5. Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
6. Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 19/10/2022
7. Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
8. Thời gian thử nghiệm/ testing time: 19/10 - 26/10/2022
9. Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCDP 01:2021/BG	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.81	0.47	0.53	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
4	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.11	0.09	0.08	0.06	2	Đạt
5	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
6	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
7	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	8.03	8.04	8.03	7.99	6.0 - 8.5	Đạt
8	Chỉ số (*) Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.58	0.64	0.70	0.70	2	Đạt
9	Độ cứng (*) tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340C	mg/L	112	112	116	118	300	Đạt
10	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
11	Nhôm (Al)	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.17	0.16	0.17	0.17	0.2	Đạt
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.85	0.86	0.89	0.96	2	Đạt
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	SMEWW4500 NO ₂ :B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
14	Sắt tổng số (*) (Fe)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	9.84	9.08	8.72	9.04	250	Đạt

Ghi chú:

- (*): Phép thử được công nhận VILAS.
- QCDP 01:2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 26 tháng 10 năm 2022

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG



Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường

PHÓ GIÁM ĐỐC

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 99/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	10221671/3583	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	10221671/3584	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	10221671/3585	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	10221671/3586	Hộ dân Phùng Văn Cồn, Nam Lễ, Xương Lâm, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 101/QM-DNPBG

- Tên mẫu/Name of sample: Theo phụ lục
- Vị trí lấy mẫu: Sampling location: Theo phụ lục
- Mã mẫu Theo phụ lục
- Tên/địa chỉ khách hàng: Name/Address of customer Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang
- Mô tả mẫu/Description: 04 Chai nhựa 1000 mL
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving: 25/10/2022
- Người lấy/gửi mẫu/Sample taking: Diệp Văn Hùng
- Thời gian thử nghiệm/ testing time: 25/10 - 01/11/2022
- Kết quả thử nghiệm/Test result:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Test result				Giới hạn cho phép Regular limit QCDP 01:2021/BG	Kết luận Conclusion
				01	02	03	04		
1	Coliform (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 3	Đạt
2	E. coli (*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	0	0	0	0	< 1	Đạt
3	Clo dư tự do (*)	SMEWW 4500 Cl F	mg/L	0.81	0.65	0.50	0.30	0.2 - 1.0	Đạt
4	Độ đục (*)	TCVN 6184:1996	NTU	0.19	0.18	0.22	0.27	2	Đạt
5	Màu sắc	TCVN 6185:1996	TCU	< 3	< 3	< 3	< 3	15	Đạt
6	Mùi, vị (*)	Cảm quan	mg/L	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Không mùi, vị lạ	Đạt
7	pH (*)	TCVN 6492:1999	mg/L	7.93	7.97	8.01	7.54	6.0 - 8.5	Đạt
8	Chỉ số Permanganat	TCVN 6186:1996	mg/L	0.77	0.83	0.83	0.90	2	Đạt
9	Độ cứng (*) tính theo CaCO ₃	SMEWW 2340C	mg/L	120	124	126	128	300	Đạt
10	Mn tổng số (*)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.1	Đạt
11	Nhôm (Al)	SMEWW 3500-AL B	mg/L	0.18	0.17	0.19	0.18	0.2	Đạt
12	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) (*)	TCVN 6180 :1996	mg/L	0.71	0.81	0.80	0.76	2	Đạt
13	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) (*)	SMEWW4500 NO ₂ :B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.05	Đạt
14	Sắt tổng số (*) (Fe)	SMEWW 3111B	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0.3	Đạt
15	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	US EPA 375.4	mg/L	10.64	9.93	9.84	9.62	250	Đạt

Ghi chú:

- (*) : Phép thử được công nhận VILAS.
- QCDP 01:2021/BG: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt.
- KPH: Không phát hiện; giới hạn phát hiện của NO₂⁻: 0.0015 mg/L; Mn: 0.01 mg/L; Fe: 0.015 mg/L.

Bắc Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2022

XÉT NGHIỆM VIÊN

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG NƯỚC DNP - BẮC GIANG



Đào Thị Ngọc Hà

Nguyễn Mạnh Cường

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted samples only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng. The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/ The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department

PHÓ GIÁM ĐỐC
Vũ Hùng

DNP.QM.P.F 11/01

Lần ban hành: 01

Soát xét/ngày:

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: 101/QM-DNPBG

PHỤ LỤC

TT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu
1	10221695/3659	Sau bơm II, Nhà máy nước DNP Bắc Giang	Nước sinh hoạt	01
2	10221695/3660	Điểm đầu nối Minh Khai	Nước sinh hoạt	02
3	10221695/3661	Điểm đầu nối Song Khê	Nước sinh hoạt	03
4	10221695/3662	Hộ dân Hoàng Văn Ngọc, thôn Giữa, Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang.	Nước sinh hoạt	04

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý chất lượng/
The test report must not be reproduced without the written approval of Quality control department.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng, 01 bản lưu tại Phòng QLCL/
The test result are printed in 02 documents; 01 document is given to customer; 01 document is stored at Quality control department